

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN T
TỈNH LONG AN

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST

Ngày 26-4-2024

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH LONG AN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phượng

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Văn Nhị

2/ Ông Bùi Mạnh Quyết

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện huyện T, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T: Ông Nguyễn Thường Ân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 31/2024/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2024/QĐXX-ST, ngày 29/3/2024 giữa:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Long An.

2. **Bị đơn:** Ông Nguyễn L1, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Long An.

(Bà Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Nguyễn L1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời trình bày trong suốt quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L có nội dung như sau:

Do quen biết, được hai bên gia đình đồng ý nên bà và ông L1 tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B vào ngày 23/11/2012. Thời gian đầu vợ chồng bà chung sống hạnh phúc nhưng sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Ông L1 ghen tuông, xúc phạm danh dự và đánh bà. Bà đã nhiều lần tha thứ, ông L1 hứa thay đổi nhưng không thực hiện.

Hai người đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, không còn quan tâm lẫn nhau. Qua quá trình chung sống, nhận thấy không thể tiếp tục cuộc hôn nhân này nên bà yêu cầu được ly hôn với ông L1.

Về con chung: Bà và ông L1 có hai con chung tên Nguyễn L2, sinh ngày 03/12/2014 và Nguyễn Thanh L3, sinh ngày 20/9/2018. Hai con đang sống chung với ông bà tại căn nhà ở ấp B, xã B. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thanh L3; con chung Nguyễn L2 giao cho ông L1 nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung: Không có. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn L1 trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt, không làm bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào và không có văn bản ý kiến phản hồi hay yêu cầu gì đối với việc khởi kiện của bà L, cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, hòa giải nhưng không được do bị đơn vắng mặt.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được thực hiện theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ông Nguyễn L1 vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án, ông không phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà L do đó yêu cầu khởi kiện của bà L là có cơ sở chấp nhận toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị L nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn L1. Căn cứ nơi cư trú của bị đơn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại Điều 28 và Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Nguyễn L1 vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nên Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Ông **L1** vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà **L**. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.

Căn cứ lời trình bày của bà **L** và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định như sau:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà **L** và ông **L1** được pháp luật công nhận là vợ chồng. Tình cảm vợ chồng đã rạn nứt từ năm 2019 cho đến nay. Theo Biên bản lấy lời khai ngày 07/3/2024 của bà **Lê Thị M** là mẹ ruột của bà **L** thể hiện thì nguyên nhân mâu thuẫn là do ông **L1** ghen tuông và đánh **L**. Bà cũng cố gắng khuyên **L** hàn gắn với **L1**, nhưng sau này thấy **L** bị đánh nhiều quá nên bà cũng đồng ý đối với việc **L** ly hôn với **L1**.

Ông **L1** không đưa ra được giải pháp hàn gắn hôn nhân và vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án thể hiện ông **L1** không có thiện chí hàn gắn hôn nhân với bà **L**. Như vậy, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa bà **L**, ông **L1** là trầm trọng nên yêu cầu xin ly hôn của bà **L** là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung:

Hội đồng xét xử nhận thấy, bà **L** và ông **L1** đều có công việc ổn định. Ông **L1** không phản đối yêu cầu của bà **L** về việc chia con để nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông **L1** và bà **L** có 02 con chung, bé **Nguyễn Thanh L3** là con gái nên cần giao cho mẹ là bà **L** nuôi dưỡng. Đối với bé **Nguyễn L2** có viết bản tự khai là muốn ở chung với cha mẹ nhưng nay bà **L** và ông **L1** đã ly hôn. Bà **L** nuôi một người con thì ông **L1** nuôi một con chung là phù hợp. Do đó, giao bé **Nguyễn L2** cho ông **L1** nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà **L** không yêu cầu ông **L1** cấp dưỡng nuôi bé **Nguyễn Thanh L3**. Ông **L1** không có đơn phản hồi về phần cấp dưỡng nuôi con. Do đó, bà **L**, ông **L1** không phải cấp dưỡng nuôi người con không trực tiếp nuôi dưỡng.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng người con chung còn lại, nhưng người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung thì cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con; mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về nợ chung: Bà **L** xác định bà và ông **L1** không có nợ chung; về tài sản chung không yêu cầu tòa án giải quyết. Cho đến nay, không có ai khởi kiện về việc nợ chung của bà **L** và ông **L1**. Ông **L1** không có phản hồi về phần nợ

chung, tài sản chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

Từ các phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của bà **L** là có căn cứ chấp nhận toàn bộ như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà **L** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Ông **L1** không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị L** về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” đối với ông **Nguyễn L1**.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà **Nguyễn Thị L** được ly hôn với ông **Nguyễn L1**.

2/ Về nuôi con chung:

Giao con chung tên **Nguyễn Thanh L3**, sinh ngày 20/9/2018 cho bà **Nguyễn Thị L** trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao con chung **Nguyễn L2**, sinh ngày 03/12/2014 cho ông **Nguyễn L1** trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà **Nguyễn Thị L**, ông **Nguyễn L1** không ai phải cấp dưỡng nuôi người con mà ông bà không trực tiếp nuôi dưỡng.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng người con chung còn lại, nhưng người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung thì cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con; mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về án phí:

Bà **Nguyễn Thị L** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008146, ngày 25/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An. Bà **Nguyễn Thị L** đã nộp đủ án phí.

Ông **Nguyễn L1** không phải chịu án phí.

4/ Án xử sơ thẩm, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- CC THADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Thạnh;
- Lưu án văn.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Mỹ Phượng